

Số: /BC-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020 trên địa bàn huyện**

Thực hiện Kế hoạch số 63-KH/TU ngày 22/4/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012-2022. Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn báo cáo kết quả thực hiện như sau:

#### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

#### **I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

#### **1. Tình hình nghiên cứu, quán triệt, triển khai, tuyên truyền thực hiện Nghị quyết**

Sau khi Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khoá XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh được ban hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Triệu Sơn đã tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt toàn huyện để nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 15-NQ/TW; đồng thời, chỉ đạo Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai trong cán bộ, đảng viên và tuyên truyền trong nhân dân, nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong nhận thức để thực hiện chính sách xã hội đảm bảo công bằng, dân chủ, công khai, kịp thời, đúng đối tượng.

Trên tinh thần nội dung của Nghị quyết, xác định khâu tư tưởng, nhận thức là then chốt, cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, đặc biệt là người đứng đầu xác định đúng vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chính sách xã hội; do đó, công tác tuyên truyền Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI được triển khai bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị và từng đối tượng, như: Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh từ huyện đến cơ sở; tuyên truyền thông qua các hội nghị thôn, khu phố, pano, băng zôn..., qua đó đã nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên

và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của chính sách xã hội nhằm cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

## **2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng chương trình, kế hoạch và triển khai thực hiện**

Ban Thường vụ Huyện ủy đã xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Hội nghị Trung ương 5, Khóa XI; UBND huyện xây dựng đề án, chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện, như: Quyết định số 11968/QĐ-UBND ngày 9/11/2016 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành một số cơ chế khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2017-2021, Quyết định số 432/QĐ-UBND, ngày 08/2/2017 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững huyện Triệu Sơn, giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 207/QĐ-UBND ngày 21/1/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành phương án hỗ trợ xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, thôn nông thôn mới kiểu mẫu và sản phẩm OCOP giai đoạn 2020-2025, Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình huyện Triệu Sơn giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch hàng năm về thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững (Kế hoạch số 472/KH-UBND ngày 21/3/2017, ...Trên cơ sở chương trình, kế hoạch, UBND huyện chỉ đạo các ban, phòng, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng, các chính sách về việc làm, thu nhập và giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và đồng bào dân tộc,...

## **3. Công tác kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Nghị quyết**

HĐND huyện xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện chế độ chính sách xã hội; UBND huyện ký kết chương trình phối hợp với MTTQ và các đoàn thể chính trị huyện về kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách trên địa bàn theo Quyết định số 217, 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị, như: Chính sách về giảm nghèo; một số chính sách đối với người có công với cách mạng;

đồng thời, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn chủ động tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện một số chính sách theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khoá XI; tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản liên quan đến việc triển khai thực hiện nghị quyết. Báo cáo tổng hợp, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, các chỉ tiêu, nội dung nghị quyết.

Qua công tác kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện đã góp phần đảm bảo cho việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá XI và Đề án được thực hiện đúng mục đích, đúng đối tượng; kịp thời phát hiện những vướng mắc, tồn tại để đề xuất các biện pháp tháo gỡ, đảm bảo quản lý, sử dụng kinh phí đạt hiệu quả, đúng quy định.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU 10 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

*(Có phụ lục nội dung chủ yếu kèm theo)*

### **1. Đánh giá thực hiện các mục tiêu cụ thể của Nghị quyết**

Sau 10 năm triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, huyện Triệu Sơn đã hoàn thành vượt các mục tiêu đề ra trong Nghị quyết, cụ thể:

Tập trung triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng các chế độ cho người có công với cách mạng; huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ những gia đình người có công có khó khăn về nhà ở; chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng. Đến cuối năm 2021, 98% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình ở địa bàn dân cư. Đẩy mạnh việc tu bổ nghĩa trang, công trình ghi công liệt sỹ; các hoạt động đền ơn đáp nghĩa được đông đảo người dân ủng hộ; phối hợp tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sỹ, đến nay có 33/34 xã thị trấn có nhà bia, đài tưởng niệm ghi công các anh hùng liệt sỹ đảm bảo thành kính, trang nghiêm.

Đẩy mạnh hoạt động giải quyết việc làm cho người lao động, Huyện thành lập các khu, cụm công nghiệp, kêu gọi, thu hút nhiều doanh nghiệp vào địa bàn, đồng thời phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài huyện tổ chức các hoạt động tư vấn, tuyển chọn và cung ứng lao động, giới thiệu việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động kịp thời nắm bắt được thị trường lao động, để người lao động lựa chọn việc làm phù hợp với năng lực, sở trường, kỹ năng làm việc của bản thân. Qua đó tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân; góp phần phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững.

Cuối năm 2021 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện còn 0.92%; thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng được hưởng chính sách trợ giúp xã hội trên địa bàn, đến nay có 12.471 người hưởng trợ giúp xã hội, trong đó có 4.673 người cao tuổi không có thu nhập và trợ cấp xã hội. Bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân: về giáo dục tối thiểu 99,7% trẻ mầm non 5 tuổi đi học đúng tuổi, tỷ lệ đi học tiểu học đúng độ tuổi đạt 95,9%, tỷ lệ đi học trung học cơ sở đúng tuổi đạt 98%; bảo đảm nhà ở tối thiểu; bảo đảm nước hợp vệ sinh 98,8% người dân được sử dụng; bảo đảm thông tin 100% người dân được tiếp cận.

## **2. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 15-NQ/TW**

### **2.1. Đánh giá kết quả về thể chế hóa Nghị quyết số 15-NQ/TW**

- *Về tổ chức bộ máy, cán bộ thực hiện Nghị quyết:* Đội ngũ cán bộ làm các công tác chính sách xã hội trên địa bàn huyện có 40 người, trong đó: cán bộ, công chức thuộc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là 6 người; cán bộ làm công tác liên quan đến các chính sách xã hội tại các xã, thị trấn 34 người. Cơ bản đội ngũ cán bộ, công chức đều có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, đáp ứng được nhiệm vụ trong thực hiện chính sách xã hội.

- *Công tác triển khai thực hiện các chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội:* Cấp ủy, chính quyền huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trên địa bàn đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về các lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm - xuất khẩu lao động, giảm nghèo bền vững và các chính sách liên quan đến lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; thực hiện các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Tổ chức hội nghị, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm và giảm nghèo. Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức đào tạo nghề, việc làm sau học nghề tại các cơ sở đào tạo nghề và thực hiện các chính sách cho các đối tượng. Qua đó, các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước được triển khai đầy đủ, kịp thời đến người dân, góp phần đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

### **2.2. Kết quả thực hiện các chính sách, chỉ tiêu cụ thể giai đoạn 2012 -2022**

#### **2.2.1. Về ưu đãi người có công với cách mạng**

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công: Đã xây dựng và triển khai thực hiện Đề án hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Toàn huyện 3.620 hộ gia đình thuộc đối

tượng người có công được hỗ trợ nhà ở (trong đó được hỗ trợ theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg là 3.079 hộ, hỗ trợ theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg là 36 hộ, hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg là 505 hộ).

- Công tác Đền ơn, đáp nghĩa hàng năm luôn được huyện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cấp uỷ, chính quyền, các ngành đoàn thể từ huyện đến xã, thị trấn đều tập trung chăm lo, nâng cấp tôn tạo Nghĩa trang huyện, nhà bia ghi công các anh hùng liệt sỹ từ huyện đến các xã thị trấn đều được chỉnh trang mới khang trang, công tác thăm hỏi động viên và tri ân các gia đình chính sách, người có công với cách mạng luôn được huyện quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực đầy đủ, kịp thời; đến nay có 33/34 xã thị trấn có nhà bia, đài tưởng niệm ghi công các anh hùng liệt sỹ đảm bảo thành kính, trang nghiêm.

Các chính sách khác đối với người có công như: biểu dương những điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt người có công sản xuất giỏi, người có công có sáng kiến xây dựng các mô hình sản xuất giỏi mang lại hiệu quả kinh tế cao, đều được triển khai, tổ chức hàng năm bảo đảm kịp thời.

### 2.2.2. Về việc làm, thu nhập

Hàng năm, UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Trung tâm GDNN-GDTX, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và UBND các xã, thị trấn tiến hành khảo sát, đánh giá nhu cầu học nghề của người lao động, từ đó xây dựng kế hoạch mở lớp đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho lao động nông thôn, chuyển đổi nghề nông nghiệp sang nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp có sử dụng lao động nhiều tham gia hoạt động đào tạo nghề.

Trong những năm qua vấn đề về nhu cầu việc làm tăng cao, việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang lao động công nghiệp lớn, huyện Triệu Sơn đã chủ động kêu gọi các công ty, Doanh nghiệp trong và ngoài nước và tạo điều kiện thuận lợi cho các công ty, doanh nghiệp đầu tư này để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động, đến nay trên địa bàn huyện đã có 07 nhà máy FDI có vốn đầu tư nước ngoài, thu hút gần 15.000 lao động, thường xuyên ổn định sản xuất và thu nhập ổn định cho người lao động.

Công tác tín dụng ưu đãi hỗ trợ giải quyết việc làm trên địa bàn huyện cũng thường xuyên được quan tâm, nguồn vốn dư nợ của Ngân hàng chính sách xã hội, và các quỹ tín dụng nhân dân hàng năm thường xuyên được nâng lên, mức đầu tư cho nhu cầu sản xuất phát triển cũng thường xuyên được mở rộng và

điều chỉnh nâng lên, đến hết quý I/2022 nguồn vốn dư nợ của Ngân hàng chính sách xã hội huyện đã nâng lên gần 600 tỷ đồng, mức đầu tư cho các hộ có nhu cầu vay để giải việc làm, phát triển sản xuất lên đến 100 triệu đồng/hộ, phần nào đã góp phần giải quyết việc làm và xoá nghèo bền vững.

Các chính sách về tư vấn việc làm, hỗ trợ lao động tham gia xuất khẩu lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, hàng năm phòng lao động - TBXH tham mưu cho huyện ban hành kế hoạch, giao chỉ tiêu cụ thể đến các xã, thị trấn, phối hợp chặt chẽ với các công ty, doanh nghiệp để tuyên truyền, định hướng cho người lao động tham gia, đăng ký đi làm việc theo hợp đồng ở nước ngoài, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các doanh nghiệp trực tiếp tư vấn, định hướng có hiệu quả nên trong những năm qua số lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa huyện ngày một tăng.

Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trên địa huyện đã góp phần tích cực trong thực hiện các chương trình, mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; phát triển nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, tạo việc làm mới cho người lao động, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân.

### 2.2.3. Về giảm nghèo

Hàng năm, các mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo được đưa vào Nghị quyết của cấp ủy Đảng, HĐND và chương trình, kế hoạch của UBND các cấp để chỉ đạo thực hiện. UBND huyện đã thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững theo giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban chỉ đạo từ huyện đến cơ sở phụ trách các xã, thị trấn, các thôn, khu phố; giao các ngành, các đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo tại các xã; hỗ trợ nhà ở, kiến thức chuyên giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ phát triển sản xuất, giải quyết việc làm và hỗ trợ các dịch vụ xã hội cơ bản cho các hộ nghèo. Bên cạnh đó UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, khai thác mọi tiềm năng, lợi thế; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng, thương mại-dịch vụ, tạo sức lan tỏa trong cộng đồng dân cư, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tích cực tham gia phát triển sản xuất, tạo được nhiều sản phẩm có giá kinh tế cao; góp phần hỗ trợ, giúp đỡ, khích lệ tinh thần, khơi dậy được ý trí tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của các hộ nghèo; qua đó, tỷ lệ hộ nghèo giảm dần từ 13,26% năm 2012 xuống còn 0,92% cuối năm 2021.

#### 2.2.4. Chính sách Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp

- Diện bao phủ của đối tượng tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội bắt buộc và tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp: Huyện đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Năm 2012, toàn huyện có 5.235 người tham gia BHXH, đạt tỷ lệ 4,4%, dự kiến thực hiện năm 2022, số người tham gia bảo hiểm xã hội là 24.027 người, đạt tỷ lệ 18,8% lực lượng lao động tham gia BHXH (trong đó: bảo hiểm xã hội bắt buộc là 19.128 người; bảo hiểm xã hội tự nguyện là 4.899 người); Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH năm 2022 tăng 14,4% so với năm 2012.

Số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp năm 2012 là 4.326 người, đạt tỷ lệ 3,62% lực lượng lao động tham gia BH thất nghiệp, đến năm 2022 dự kiến tăng lên là 17.903 người, đạt tỷ lệ 13,99% lực lượng lao động tham gia BH thất nghiệp.

- Quản lý đối tượng và công tác chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội: Công tác quản lý và sử dụng quỹ BHXH, BHYT được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các nguồn quỹ BHXH, BHYT được quản lý chặt chẽ theo niên độ kế toán. Người nghèo và các đối tượng hưởng chính sách xã hội được Nhà nước mua và cấp thẻ BHYT, giúp tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ y tế của các đối tượng. Quyền lợi trong khám bệnh, chữa bệnh BHYT của những người tham gia BHYT từng bước được mở rộng, góp phần thực hiện mục tiêu công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội.

#### 2.2.5. Về thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên, trợ giúp xã hội khẩn cấp, chăm sóc xã hội

Giai đoạn 2012-2020, UBND huyện đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ; Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 thay thế Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, đến nay các xã, thị trấn trên địa bàn đang thực hiện chi trả trợ xã hội hàng tháng là 12.471 người hưởng trợ giúp xã hội, trong đó có 4.673 người cao tuổi.

Việc chi trả chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ đúng đối tượng, bao gồm đối tượng trợ cấp thường xuyên và đột xuất; Thường xuyên theo dõi sự biến động tăng, giảm của đối tượng; phối hợp với bưu điện thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội đầy đủ, kịp thời. Công tác chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng qua bưu điện đã nhận được sự ủng hộ của người hưởng cũng như các cơ quan chính quyền địa phương bởi tính minh bạch và an toàn trong công tác tổ chức thực hiện.

### 2.2.6. Về đảm bảo giáo dục tối thiểu

- Thực hiện phổ cập giáo dục các cấp:

Huyện Triệu Sơn đạt phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi năm 2013, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 năm 2015, đạt phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3 năm 2020, xóa mù chữ mức độ 2 năm 2020. Đến nay huyện đã duy trì bền vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 là 97,64% (trong đó tỷ lệ biết chữ của người dân tộc thiểu số là 93,43%), tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 là 98,89%; tỷ lệ trẻ em khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận với giáo dục và tham gia học tập ở cấp tiểu học và THCS tăng; tỷ lệ đạt trình độ THPT và số sinh viên tăng theo từng năm.

Bước vào năm học 2021-2022, toàn huyện có 108 trường mầm, tiểu học, trung học cơ sở, tiểu học & trung học cơ sở và THPT với tổng số 46.690 học sinh, trong đó có 36 trường Mầm non, 30 trường Tiểu học, 29 trường THCS và 6 trường TH&THCS, 6 trường PTTH với số học sinh của từng cấp học là: 11.163 học sinh mầm non, 18.772 học sinh tiểu học, 11.624 học sinh trung học cơ sở, 5.131 học sinh THPT; có 01 Trung tâm GDNN-GDTX với số học viên là 919 người.

Tất cả các cơ sở giáo dục đều đảm bảo về cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học, trong đó có 104/108 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 96,29%, tăng 65 trường chuẩn quốc gia so với năm 2012, trong đó tăng 4 trường THPT đạt chuẩn quốc gia. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên ở tất cả các cấp học, bậc học. Chất lượng giáo dục mũi nhọn ổn định và phát triển, bậc THCS đứng thứ 7 toàn tỉnh; bậc THPT thuộc nhóm dẫn đầu của tỉnh và có 3 trường THPT nằm trong top 15 trường THPT dẫn đầu về chất lượng mũi nhọn của tỉnh.

Trung tâm GDNN-GDTX về quy mô và chất lượng giáo dục là đơn vị tiên tiến, điển hình, dẫn đầu khối GDTX của tỉnh. Công tác xã hội hóa giáo dục, khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập ngày càng phát triển. Trung tâm Giáo dục dạy nghề - Giáo dục thường xuyên và trung tâm học tập cộng đồng các xã, thị trấn hoạt động tích cực, phát huy được chức năng và vai trò trong việc nâng cao trình độ dân trí, tay nghề cho lao động nông thôn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục được học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông và học nghề năm 2021 đạt 95,9%.

### 2.2.7. Về bảo đảm y tế tối thiểu

- Bảo hiểm y tế: Số người tham gia BHYT năm 2021 là 190.113 người đạt tỷ lệ 93,02% dân số tham gia BHYT, số người tham gia BHYT năm 2012 là 132.281 người đạt tỷ lệ 67,41% dân số tham gia BHYT, tỷ lệ người tham gia BHYT tăng 25,61% so với năm 2012.

- Phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, nhất là trẻ em và phụ nữ: Tăng cường công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe nâng cao nhận thức cộng đồng về chăm sóc sức khỏe sinh sản và chăm sóc sơ sinh. Đến nay, 100% trạm y tế cấp xã, thị trấn đã tổ chức khám thai định kỳ và tiêm phòng uốn ván cho các bà mẹ có thai; tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế đỡ đạt 100%/năm; tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 03 lần trở lên trong 03 thời kỳ đạt 100%/năm. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân, nhằm thay đổi hành vi chăm sóc dinh dưỡng trẻ nhỏ được tăng cường. Sở Y tế đã chỉ đạo tổ chức cân đo cho trẻ dưới 2 tuổi; tổ chức thực hành dinh dưỡng cho các bà mẹ mang thai, bà mẹ nuôi con nhỏ 2 lần/năm, tổ chức thăm hộ gia đình có trẻ sơ sinh hoặc gặp khó khăn, tổ chức truyền thông giáo dục sức khỏe.

- Công tác y tế dự phòng và chương trình phòng chống lao: Tiếp tục triển khai chương trình phòng chống lao ở 100% xã, thị trấn, đảm bảo mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ phòng chống lao.

- Đánh giá phát triển mạng lưới y tế cơ sở: Hiện nay hệ thống khám chữa bệnh toàn huyện có 1 bệnh viện tuyến huyện, 34 trạm y tế xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trong giai đoạn 2012 - 2021, huyện đã quan tâm đầu tư hỗ trợ nâng cấp xây dựng thêm một số hạng mục của bệnh viện đa khoa huyện như: Nhà điều trị bệnh nhân tạm thời, xây dựng nhà dinh dưỡng và cải tạo hạ tầng bệnh viện đa khoa huyện,... góp phần đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, điều trị ngày càng tăng của nhân dân trên địa bàn huyện.

### 2.2.8. Về bảo đảm nhà ở tối thiểu

Chính sách hỗ trợ hộ nghèo, gia đình có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 22/12/2008; Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 quy định về chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung; Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 quy định về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015; Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được Huyện quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả: có 36 hộ nghèo được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo Quyết định số

48/2014/QĐ-TTg và 3.584 hộ gia đình thuộc đối tượng người có công được hỗ trợ nhà ở (trong đó được hỗ trợ theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTg là 3.079 hộ).

### 2.2.9. Về đảm bảo nước sạch

Các công trình nước sạch được quan tâm hỗ trợ cho các gia đình khó khăn; đầu tư hạ tầng cơ sở nước sạch tập trung phục vụ nước sinh hoạt, sản xuất của người dân trên địa bàn; qua đó nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 98,8% năm 2021; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của bộ y tế đạt 66,7% năm 2021.

### 2.2.10. Về thông tin truyền thông

Thường xuyên tăng cường thông tin, truyền thông đến người dân đặc biệt là người nghèo. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở. Đến nay 100% xã miền núi được phủ sóng phát thanh, truyền hình, có đài truyền thanh.

2.2.11. Triển khai và thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (Nghị quyết số 42/NQ-CP và Nghị quyết số 68/NQ-CP, Nghị quyết số 116/NQ-CP, Nghị quyết số 128/NQ-CP, Nghị quyết số 43/2022/QH15)

UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản đề tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ của Trung ương, của tỉnh cho các đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn huyện.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ: Tổng phê duyệt danh sách cho 36.851 đối tượng, tổng kinh phí đã hỗ trợ 39.467.250.000 đồng, trong đó:

+ Phê duyệt danh sách và thực hiện hỗ trợ cho 35.129 người là đối tượng bảo trợ xã hội, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công với cách mạng, vợ (hoặc chồng) liệt sĩ đã lấy vợ (hoặc chồng) khác đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng với tổng kinh phí 37.713.250.000 đồng.

+ Phê duyệt danh sách và thực hiện hỗ trợ 1.722 trường hợp đối tượng là lao động tự do, hộ kinh doanh cá thể, người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động không có giao kết hợp đồng lao động bị mất việc làm bị ảnh hưởng bởi dịch với tổng kinh phí 1.754.000.000 đồng.

- Kết quả triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 gồm: Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ; Quyết định số 23/2021/QĐ-CP ngày

07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 68/NQ-CP; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg; Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 266/KH-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh:

+ Chính sách giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp trên địa bàn huyện có 216 doanh nghiệp, đơn vị với 13.062 lao động được giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, với tổng số tiền giảm mức đóng là 1.480.655.979 đồng.

+ Phê duyệt và hỗ trợ kinh phí cho 296 lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) theo Quyết định số 18/2021/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 của UBND tỉnh với số tiền 223.700.000 đồng.

+ Thực hiện hỗ trợ cho 59 hộ kinh doanh cá thể với kinh phí 177.000.000 đồng.

+ Thực hiện hỗ trợ cho 296 người lao động tự do không có giao kết hợp đồng lao động (LĐ tự do) gặp khó khăn do đại dịch Covid với kinh phí: 223.700.000 đồng.

- Kết quả triển khai, thực hiện nghị quyết của Chính phủ và quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp: Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021; Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ngày 01/10/2021.

+ Hỗ trợ bằng tiền cho người lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ kết dư Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: Số người đã phê duyệt 13.346 người, kinh phí 28.282.150.000 đồng.

+ Giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19: Đến nay, trên địa bàn huyện đã thực hiện giảm mức đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho 205 đơn vị với tổng số 12.755 lao động; tổng số tiền được giảm là 1.497.672.971 đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)*

### **2.3. Nguồn lực thực hiện**

Cơ chế, chính sách huy động và phân bổ nguồn lực: Trong giai đoạn 2012-2020, các cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn huyện Triệu Sơn đã thực hiện triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo các Nghị Quyết, Nghị

định, Quyết định của Chính Phủ, đặc biệt là các chính sách về ưu đãi người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 và Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối tượng bảo trợ; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế và bảo đảm nhà ở tối thiểu theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính Phủ. Nguồn lực chính để thực hiện các cơ chế, chính sách về an sinh xã hội trên địa bàn huyện là nguồn ngân sách nhà nước, trong đó chủ đạo là nguồn trợ cấp từ ngân sách cấp trên (ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu); nguồn kinh phí hỗ trợ các cơ chế, chính sách được thực hiện phân bổ đúng đối tượng, đúng mục tiêu, kịp thời và thanh quyết toán theo đúng quy định.

### **3. Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận 92-KL/TW**

*3.1. Về đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách xã hội:* Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác an sinh xã hội; tuyên truyền, nhân rộng cách làm sáng tạo, hiệu quả.

*3.2. Về phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững:* Các phòng, ban, ngành, chính quyền các địa phương đã tăng cường triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách bảo hiểm xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân.

*3.3. Về hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập:* UBND huyện thực hiện rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung, thay thế hoặc sửa đổi các quy định về chế độ, chính sách đối với người học và người dạy; phối hợp phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập, chỉ đạo nâng cao chất lượng Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên nhằm tạo ra nguồn nhân lực có tay nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

*3.4. Về phát triển hệ thống dịch vụ xã hội:* Các phòng, ban, ngành, chính quyền các địa phương đã đẩy mạnh việc thực hiện phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội; phát triển mạng lưới cơ sở y tế; thực hiện có hiệu quả các chương trình nhà ở cho người nghèo, người dân vùng chịu tác động của thiên tai, chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán cho các hộ dân ở những

nơi không có khả năng xây dựng công trình nước sinh hoạt tập trung và chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích.

*3.5. Về hiện đại hóa hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội:* UBND huyện quan tâm chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý các chính sách xã hội; cải cách thủ tục hành chính để giải quyết nhanh, kịp thời chế độ chính sách cho người dân.

*3.6. Về tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội:* Cấp ủy, chính quyền địa phương tích cực huy động các nguồn lực xã hội để đảm bảo thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, an sinh xã hội.

## **4. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân**

### **4.1. Các hạn chế, yếu kém**

- Sự vào cuộc của các cấp chính quyền ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, chưa có sự phân công nhiệm vụ chi tiết cụ thể để thực hiện các chính sách một cách có hiệu quả.

- Người dân nông thôn, nhất là đối tượng yếu thế phải đối mặt với những rủi ro, khó khăn trong cuộc sống. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ làm công tác an sinh xã hội còn ít về số lượng, công việc nhiều, chưa đủ sức hỗ trợ kịp thời trong những tình huống cấp bách; sự phối hợp giữa các phòng, ban, ngành, đơn vị và chính quyền địa phương có thời điểm chưa thực sự chặt chẽ.

- Nguồn vốn đầu tư từ các Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước cho an sinh xã hội còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách công mức hỗ trợ có hạn. Các vấn đề về an sinh xã hội vẫn chưa thu hút mạnh mẽ các thành phần kinh tế, các chủ thể và nguồn lực xã hội.

### **4.2. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém**

- *Nguyên nhân khách quan:* huyện có địa bàn rộng, dân số đông; Chính sách về an sinh xã hội có sự thay đổi liên tục, chưa thực sự đồng bộ, một số nội dung hướng dẫn còn chưa cụ thể khiến việc triển khai thực hiện, nhất là ở cấp cơ sở còn lúng túng. Thiên tai, dịch bệnh thường xuyên xảy ra ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện và huy động nguồn lực để hỗ trợ cho các đối tượng chính sách.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Một số cấp ủy, chính quyền nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội nên việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chưa sâu sát, cụ thể và quyết liệt. Nguồn lực để triển khai thực hiện các chương trình, đề án, hỗ

trợ còn hạn chế. Cán bộ làm công tác quản lý nhà nước liên quan đến chính sách xã hội còn thiếu về số lượng. Năng lực tham mưu thể chế hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, cụ thể hóa pháp luật của nhà nước và tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước một số địa phương còn hạn chế.

## **5. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm**

### **5.1. Đánh giá chung:**

Từ khi Nghị quyết số 15-NQ/TW được ban hành đến nay, hệ thống văn bản pháp quy về thực hiện chính sách xã hội được xây dựng ngày càng chặt chẽ, đồng bộ và hoàn thiện với diện bao phủ ngày càng mở rộng. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện. An sinh xã hội đã trở thành chỗ dựa vững chắc cho người nghèo và đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội. Các phong trào, vận động quỹ “Vì người nghèo“, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” được tổ chức thường xuyên và thu hút sự hưởng ứng của nhiều lực lượng xã hội, đóng góp đáng kể vào việc nâng cao an sinh xã hội cho mọi người, nhất là người có công với cách mạng, người nghèo, đối tượng yếu thế. Các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn huyện đạt được nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong thực hiện ưu đãi người có công với cách mạng; công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, giáo dục và đào tạo, y tế... góp phần giảm nghèo nhanh và bền vững và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

### **5.2. Bài học kinh nghiệm:**

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và truyền thống tốt đẹp, tương thân, tương ái của dân tộc ta. Trong đó, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, đồng thời huy động sự tham gia mạnh mẽ của toàn xã hội trong thực hiện các chính sách.

- Tuyên truyền, quán triệt sâu rộng để làm rõ vai trò, mục tiêu, lợi ích mà chính sách xã hội đem lại, là động lực để phát triển phát triển kinh tế xã hội. Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ. Từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về chính sách xã hội.

- Xây dựng chương trình hành động cụ thể, khả thi và tổ chức thực hiện quyết liệt các chính sách. Thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm chính sách xã hội; ưu tiên thực hiện tốt chính sách đối với người có công; bảo đảm mức sống tối thiểu và hỗ trợ kịp thời người có hoàn cảnh khó khăn.

## **Phần thứ hai**

### **QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CHO GIAI ĐOẠN 2023-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

#### **I. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI, TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI**

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, đã góp phần góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao phúc lợi xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội về chính sách xã hội có sự chuyển biến tích cực, rõ rệt. Đã huy động được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực, sâu rộng của mọi tầng lớp nhân dân; phát huy truyền thống tốt đẹp, đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc. Hệ thống chính sách xã hội cơ bản đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân. Chính sách người có công được Đảng và Nhà nước quan tâm đặc biệt, đời sống người có công không ngừng được nâng cao. Người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế được Nhà nước và xã hội trợ giúp thường xuyên, kịp thời, hiệu quả. Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng và trở thành trụ cột quan trọng của an sinh xã hội. Hệ thống dịch vụ xã hội được cải thiện, cơ bản bảo đảm quyền học tập, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin truyền thông của nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện một số chính sách xã hội còn có những hạn chế, bất cập. Một số chính sách xã hội chưa bao phủ hết các nhóm đối tượng, việc thực hiện tại một số địa phương còn thiếu đồng bộ, chưa đồng đều; chênh lệch về mức sống, hưởng thụ văn hóa, tinh thần giữa các nhóm đối tượng còn lớn. Mức trợ cấp xã hội còn thấp, chất lượng an sinh xã hội có mặt còn hạn chế, đời sống của một bộ phận dân cư còn nhiều khó khăn.

#### **II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP**

##### **1. Quan điểm**

Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho nhân dân là một chủ trương xuyên suốt của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế xã hội. Mục đích cơ bản là nhằm đảm bảo đời sống nhân dân và ổn định chính trị - xã hội. Thực hiện an sinh xã hội là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và trách nhiệm của toàn xã hội, như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu: một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021- 2030, là “*Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã*

*hội; xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức xã hội lành mạnh, văn minh; chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chất lượng dân số, gắn dân số với phát triển; quan tâm đến mọi người dân, bảo đảm chính sách lao động, việc làm, thu nhập, thực hiện tốt phúc lợi xã hội, ASXH. Không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân”.* An sinh xã hội là mục tiêu, thước đo quan trọng trong việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững kinh tế xã hội của huyện. Do đó, đầu tư cho an sinh xã hội cũng chính là đầu tư cho phát triển, cho con người.

## **2. Mục tiêu**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030**

Cấp ủy, chính quyền tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chính sách, chương trình, đề án của Trung ương, tỉnh, huyện về an sinh xã hội; tạo điều kiện hỗ trợ phát triển thị trường lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người lao động khắc phục hậu quả của dịch bệnh Covid-19.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động. Thực hiện các chính sách giảm nghèo theo hướng hỗ trợ có điều kiện đối với người nghèo, người cận nghèo về phát triển sản xuất, tạo việc làm, có sinh kế bền vững và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, phân đấu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản.

Xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh và thân thiện với trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện; ngăn chặn và phòng ngừa các nguy cơ bạo lực, xâm hại, tai nạn, thương tích đối với trẻ em; tăng cường bình đẳng giới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tệ nạn xã hội.

### **2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030**

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động năm 2030 còn 18%.
- Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên duy trì trên 98,5%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2030 đạt 87%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 45% trở lên.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm 2% trở lên.
- Phân đấu 100% đối tượng gặp khó khăn được trợ giúp kịp thời; 90% người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội

phù hợp với nhu cầu, trong đó tối thiểu 50% đối tượng được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện; 99% người khuyết tật được tiếp cận tối thiểu một trong các dịch vụ xã hội.

- Tiếp tục duy trì vững chắc phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở.

- Phân đầu đạt tỷ lệ khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện chiếm khoảng 5% lực lượng lao động trong độ tuổi; duy trì tỷ lệ trên 95% dân số tham gia BHYT; khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHTN; khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH đạt mức 90%.

- Phát triển mạng băng rộng cố định và phủ sóng thông tin di động băng rộng 4G, 5G đến 95% các thôn, khu phố.

- Duy trì mạng lưới và dịch vụ bưu chính, trong việc chi trả các chính sách xã hội.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh đạt năm 2030 đạt 100%, trong đó 90% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

### **3. Nhiệm vụ và giải pháp**

#### ***3.1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách xã hội***

Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về công tác an sinh xã hội; tuyên truyền, nhân rộng cách làm sáng tạo, hiệu quả; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề, tin, bài tuyên truyền về chính sách đảm bảo an sinh xã hội; thông tin kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách hỗ trợ, những cách làm hay, hiệu quả, nhằm nâng cao nhận thức về công tác an sinh xã hội.

#### ***3.2. Phát triển hệ thống chính sách xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững***

Triển khai thực hiện nghiêm túc các chính sách an sinh xã hội. Tăng cường triển khai có hiệu quả công tác cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân; nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp, lao động phi chính thức làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội. Nâng cao chất lượng

phục vụ, đáp ứng sự hài lòng của người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; đẩy mạnh thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp không dùng tiền mặt qua hệ thống ngân hàng.

### ***3.3. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân và phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập***

- Tiếp tục củng cố, duy trì ổn định và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Hoàn thiện phương thức dạy học trực tuyến; nâng cao năng lực cho giáo viên về tổ chức dạy học trực tuyến, dạy học qua truyền hình và đào tạo từ xa đảm bảo hiệu quả, chất lượng; phát triển nguồn học liệu số, học liệu điện tử, học liệu mở; tiếp tục cập nhật kho học liệu số dùng chung, thư viện số hỗ trợ người học từ xa, tự học và học tập suốt đời.

- Phát triển thị trường lao động cạnh tranh lành mạnh, đồng bộ, hiện đại và hội nhập; chú trọng đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nâng cao nguồn nhân lực gắn với chuyên đổi nghề nghiệp và quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo ra nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới. Đẩy mạnh đào tạo chuyên đổi nghề và nâng cao kỹ năng nghề cho lao động nông thôn, lao động trong doanh nghiệp nhỏ và vừa, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động.

### ***3.4. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp cận của người dân, nhất là đối tượng yếu thế***

- Đẩy mạnh phát triển mạng lưới trợ giúp xã hội, dịch vụ chăm sóc xã hội nhất là chính sách khuyến khích xã hội hóa để chăm sóc, trợ giúp đối tượng có nhu cầu trợ giúp xã hội; nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay về chăm sóc xã hội và trợ giúp xã hội; phát triển đội ngũ cán bộ công tác xã hội chuyên nghiệp; phát huy vai trò của gia đình và cộng đồng trong hoạt động trợ giúp xã hội.

- Phát triển mạng lưới cơ sở y tế của huyện; nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe toàn diện để đáp ứng sự thay đổi của mô hình bệnh tật, già hóa dân số và nhu cầu của người dân. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh; xây dựng, quản lý, theo dõi hồ sơ sức khỏe cá nhân và bệnh án điện tử.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình nhà ở cho người nghèo, người dân vùng chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu; chương trình nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp.

- Bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản về nước sinh hoạt cho người nghèo. Tiếp tục thực hiện hiệu nâng cấp, sửa chữa các công trình nước tập trung đã hư hỏng, xuống cấp; đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sinh hoạt cho nông thôn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới trên địa bàn huyện.

- Triển khai có hiệu quả chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; nâng cao chất lượng thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về chính sách xã hội.

### ***3.5. Hiện đại hóa hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội***

- Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý các chính sách xã hội để giải quyết nhanh, kịp thời, đúng chế độ chính sách đáp ứng giải quyết các thủ tục hành chính.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin về người có công, bảo trợ xã hội, trẻ em và giảm nghèo theo hướng phân cấp, gắn với dịch vụ công trực tuyến.

- Phát triển và nâng cao chất lượng đài truyền thanh cơ sở; phát triển hạ tầng viễn thông - internet băng thông rộng đến khu vực nông thôn, trang bị các thiết bị công nghệ thông tin tại các điểm phục vụ bưu chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm phục vụ bưu chính và phục vụ người dân nông thôn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, chuyển đổi số phát triển nông nghiệp nông thôn.

### ***3.6. Tăng cường nguồn lực thực hiện chính sách xã hội, gắn trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực thực hiện các chính sách xã hội***

Cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên Ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định để đảm bảo thực hiện các chính sách ưu đãi người có công, an sinh xã hội theo các chương trình, dự án, đề án, chính sách và nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Cấp ủy, chính quyền địa phương và các cơ quan cấp huyện động viên, khuyến khích các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách chủ động, tích cực vươn lên thoát nghèo và làm giàu. Đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội; thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân, doanh nghiệp trong thực hiện chính sách xã hội; tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm trong xây dựng và thực hiện chính sách xã hội.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể nhân dân các cấp tăng cường chỉ đạo, quán triệt, tổ chức thực hiện tốt các nội dung của Nghị quyết Trung ương 5 khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 và Kết luận số 92-KL/TW ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

- Các ban, phòng, ngành, cơ quan, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện theo các nội dung chính sách xã hội đã được ban hành.

- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội cấp huyện tăng cường công tác tuyên truyền cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân nắm rõ các chính sách của nhà nước; đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách ở cơ sở.

#### Phần thứ ba

#### KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị các bộ, ngành Trung ương khi tham mưu, ban hành chính sách cần đầu tư có trọng điểm, không dàn trải trong hỗ trợ cho đối tượng; thường xuyên rà soát, đánh giá để bãi bỏ các chính sách hỗ trợ nhỏ lẻ, manh mún.

2. Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác lao động, người có công và xã hội ở địa phương nhằm nâng cao năng lực tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện chính sách./.

#### *Nơi nhận:*

- Thường trực Huyện ủy (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ngành, đơn vị liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, TCKH.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

